

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5019/SNNMT-KHTC ngày 17/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 01/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 09/NQ-HĐND áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và

môi trường. Theo đó, Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 33/2026/NĐ-CP và điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 15. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nguồn kinh phí tại khoản 1 Điều này được sử dụng cho các hoạt động sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã;

đ) Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND) là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.”.

Đề nghị bỏ cụm từ “của Chính phủ” tại khoản 1 Điều 1 dự thảo nhằm đảm bảo theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết thống nhất với tên đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Thông báo số 30/TB-TTHĐND ngày 27/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Khoản 3 Điều 2 dự thảo quy định:

“3. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, hỗ trợ xác định trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu thống kê đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định của năm liền kề trước năm thời kỳ ổn định ngân

sách.”.

Đề nghị rà soát nội dung này có phải là nguyên tắc hỗ trợ không, đồng thời, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP đã quy định:

“3. Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.”. Do đó, đề nghị rà soát có cần thiết quy định nội dung này tại dự thảo Nghị quyết hay không.

3. Điều 3 dự thảo quy định:

“Điều 3. Định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa

a) **Hỗ trợ tối đa 50%** kinh phí thực hiện: mô hình sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; mô hình, phương án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn.

2. Hỗ trợ thực hiện công tác quản lý; tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất trồng lúa; sản xuất lúa.

a) Hỗ trợ 100% kinh phí đối với các hoạt động sau:

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;
- Đánh giá tính chất lý, hoá học; xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng vùng chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;
- Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

b) **Hỗ trợ tối đa 50%** kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông cho đối tượng trực tiếp sản xuất lúa.”.

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung hỗ trợ tại Điều 3 dự thảo đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP:

“Điều 15. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

2. Nguồn kinh phí tại khoản 1 Điều này được sử dụng cho các hoạt động sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động

khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã;

đ) Hỗ trợ mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.”.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định mức hỗ trợ “Hỗ trợ tới đa 50%” tại điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo khi triển khai trong thực tế áp dụng như thế nào, cơ quan nào có thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cụ thể. Cơ quan soạn thảo nghiên cứu đề quy định tại Điều 3 dự thảo đảm bảo tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đề nghị bỏ gạch đầu dòng tại điểm a khoản 2 Điều 3 dự thảo.

d) Đề nghị rà soát sự liên quan để viện dẫn quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

4. Điều 4 dự thảo quy định:

“Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa phân bổ cho ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và **ngân sách cấp xã**), như sau:

1. Phân bổ cho cấp tỉnh 10% tổng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Đánh giá tính chất lý, hoá học; xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng vùng chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, phường thuộc cấp tỉnh quản lý hoặc do xã, phường đề xuất đối với công trình thuộc xã, phường quản lý;

d) Hàng năm, sau khi phân bổ kinh phí hỗ trợ các hoạt động tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này theo quy định đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, phần kinh phí còn lại (nếu có) được tiếp tục phân bổ cho **ngân sách xã, phường** đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ tại Nghị quyết này và hiệu quả sử dụng kinh phí.

2. Phân bổ cho các xã, phường 90% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa (được quy đổi thành 100%) để thực hiện các nội dung sau:

a) Sử dụng 40% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ cho các nội dung sau:

- Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

- Mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

b) Phần kinh phí còn lại sử dụng cho việc sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.”.

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định nội dung để sử dụng nguồn kinh phí tại Điều 4 dự thảo chưa thống nhất với nội dung và định mức chi tại Điều 3 dự thảo. Ví dụ: Điều 3 dự thảo quy định nội dung chi là “*mô hình sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất*” tuy nhiên, Điều 4 dự thảo quy định nội dung sử dụng nguồn kinh phí là “*sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất*”. Đồng thời, đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

b) Trong trường hợp cùng nội dung hỗ trợ như trên, khi nào xác định do cấp tỉnh thực hiện, khi nào do cấp xã thực hiện.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất việc sử dụng cụm từ “**ngân sách cấp xã**”, “**phân bổ cho các xã, phường**”, “**ngân sách xã, phường**” tại Điều 4 dự thảo cho phù hợp. Đồng thời, đề xuất thống nhất cụm từ “**xã, phường**” hay “**cấp xã**” cho thống nhất và phù hợp trong toàn bộ dự thảo.

d) Khoản 1 Điều 4 dự thảo quy định: “***Phân bổ cho cấp tỉnh 10% tổng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau: ...***”. Tuy nhiên, điểm d khoản 1 Điều 4 dự thảo quy định:

“***d) Hàng năm, sau khi phân bổ kinh phí hỗ trợ các hoạt động tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này theo quy định đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, phân kinh phí còn lại (nếu có) được tiếp tục phân bổ cho ngân sách xã, phường đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ tại Nghị quyết này và hiệu quả sử dụng kinh phí.***”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của điểm d khoản 1 Điều 4 dự thảo, đồng thời, quy định này không thuộc nội dung phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp.

5. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định Điều 5 dự thảo, vì không thuộc nội dung giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết.

6. Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh bố cục trình bày của Điều 6, Điều

7 dự thảo như sau:

“Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.”.

7. Đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh thêm “phạm vi” thực hiện của dự thảo Nghị quyết theo nội dung được giao tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP thực hiện như thế nào:

“Điều 15. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

*1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể **nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ** cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.”.*

Vì phạm vi điều chỉnh dự thảo có xác định **phạm vi** nhưng dự thảo chưa quy định cụ thể nội dung này.

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày cơ sở thực tiễn tại khoản 2 mục I dự thảo, vì nội dung khoản 2 mục I dự thảo đang trình bày về cơ sở pháp lý.

2. Đề nghị bỏ từ “**TỈNH**” tại thẩm quyền ký ban hành Tờ trình dự thảo Nghị quyết.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Dự thảo Nghị quyết được chấp thuận đăng ký xây dựng tại Thông báo số 30/TB-TTHĐND ngày 27/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến cơ quan có liên quan tại Công văn số 3868/SNNMT-BVMT ngày 20/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang và tổng hợp ý kiến tại Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc